ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ QUẢNG THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95 /BC-UBND	*Quảng Thành, ngày 05 tháng 6 năm 2024*

BÁO CÁO
Tình hình triển khai công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Thực hiện Công văn số 334/UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo CCHC định kỳ năm 2023. Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Cải cách hành chính gắn với chính quyền số xã Quảng Thành năm 2024 trong đó UBND xã xác định 06 nhiệm trọng tâm trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2025 bao gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số. Trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã đã thực hiện hoàn thành một số nhiệm vụ như: Niêm yết thủ tục hành chính (TTHC), công khai tiến độ giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử xã, xây dựng kế hoạch triển khai công tác CCHC, thực hiện trao đổi văn bản giữa các cơ quan dưới dạng điện tử…. Trong thời gian tới UBND xã tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra để hoàn thành kế hoạch năm 2024.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Cải cách hành chính gắn với chính quyền số xã Quảng Thành năm 2024. Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 gồm 06 nhiệm vụ trọng tâm nêu trên. UBND xã chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính theo các nội dung đã đề ra. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC đề ra. Đồng thời phối hợp với các ban, ngành liên quan thực hiện kế hoạch CCHC của UBND xã năm 2024.

- Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 10/01/2024 về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Quảng Thành và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của xã Quảng Thành năm 2024, hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý

kiến chỉ đạo năm 2024 sẽ tiến hành kiểm tra đối với một số cán bộ, công chức với 02 hình thức: kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 17/01/2024 về Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở năm 2024.

- Sau khi ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 10/01/2024 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2024. Uỷ ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tiếp tục thực hiện Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Uỷ ban ban nhân dân xã đã đăng tải 594 tin, trong đó bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (https://quangthanh.thuathienhue.gov.vn) là 229 tin.

- Tiếp tục tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử và hệ thống bảng niêm yết Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 222/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 21/12/2023 Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thành năm 2024; Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 21/12/2023 về Rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024. Đồng thời chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với

công chức Văn phòng - Thống kê xã và các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND quyết định.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024 việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

- Để thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thể chế, UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 11/01/2024 về phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thành năm 2024; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 11/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thành năm 2024 và Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16/01/2024 thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2024.

- UBND xã đã ban hành Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 24/5/2025 về tình hình triển khai thực hiện công tác cải cách tư pháp 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ngày 10/01/2024 UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 đã xác định 08 nhiệm vụ trọng tâm.

- UBND đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 10/01/2024 về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Quảng Thành, chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp phận và trả kết quả.

- Tiếp tục chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiến hành niêm yết công khai thủ tục hành chính theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 08/9/2018 của UBND tỉnh. Đồng thời, đã kịp thời rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính của cấp trên để niêm yết và đưa vào thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính và giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị.

- Ngày 14/3/2024 UBND xã đã ban hành Báo cáo số 44/BC-UBND về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môitrường điện tử Quý I năm 2024.

- Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được UBND xã quan tâm, thực hiện như: công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên trang thông tin điện tử xã và tại bảng niêm yết TTHC để tiếp nhận xử lý phản

ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, công dân.

- Thường xuyên đồng bộ và thiết lập các TTHC mới để đảm bảo quy định và quá trình tiếp nhận hồ sơ của các bộ phận. Hiện tại có 231 TTHC đã được đồng bộ và thiết lập đúng quy trình.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

- 6 tháng đầu năm 2024 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Đã tiếp nhận 915 hồ sơ và đã giải quyết đúng hẹn 913 hồ sơ và 02 hồ sơ trễ hạn.

* Hiện nay tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 01 người, chiếm tỷ lệ 5%; Đại học 19 người, chiếm tỷ lệ 95%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị 02 chiếm tỷ lệ 10%, Trung cấp lý luận chính trị 12 người, chiếm tỷ lệ 54,54%.

- Nhằm nâng cao chất lượng của CBCC về mọi mặt UBND xã đã tiến hành đánh giá CBCC Quý I/2024 và gửi hồ sơ về Phòng Nội vụ đúng thời gian quy định. Đồng thời cũng chỉ ra các hạn chế của CBCC để tìm ra giải pháp khắc phục, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng CBCC. Tham mưu UBND xã họp đánh giá CBCC Quý II/2024.

4. Cải cách công vụ

- Đã thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã đăng ký cho 02 đồng chí tham gia lớp Trung cấp chính trị tại huyện.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 17/01/2024 về Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở năm 2024.

- Thực hiện Công văn số 48/PNV ngày 28/02/2022 của Phòng Nội vụ huyện về việc lập hồ sơ, thủ tục đề nghị nâng bậc lương năm 2022. UBND xã đã lập hồ sơ nâng lương thường xuyên và trước thời hạn đối với 02 đồng chí công chức theo đúng quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Ngày 04/01/2024, UBND xã đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND **về** việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành và Quyết định số 11/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của UBND xã Quảng Thành.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm áp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Để triển khai có hiệu quả nội dung hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các văn bản của cấp trên và nhu cầu thực tế tại địa phương, trong thời gian qua Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản, để ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT.

- Uỷ ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 16/01/2024 về Ứng dụng công nghê thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Cải cách hành chính gắn với chính quyền số xã Quảng Thành năm 2024; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Quảng Thành; Kế hoạch số 03 KH/UBND ngày 02/01/2024 về chuyển đổi số xã Quảng Thành năm 2024.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả của việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã. UBND xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện như: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của xã Quảng Thành năm 2024; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 Về việc công bố và ban hành mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã năm 2024.

- Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, từ đó tiến hành công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thành.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Việc rà soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Chất lượng cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được đẩy mạnh và đạt được một số kết quả bước đầu, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Tuy nhiên quá trình phối hợp thực hiện giữa các bộ phận, ban ngành liên quan chưa thực sự vào cuộc và là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin của một số cán bộ, công chức còn hạn chế cũng là nguyên nhân gây khó khăn trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung và công tác cải cách hành chính nói riêng.

- Công tác tiếp nhận và trả kết quả tuy được quan tâm thực hiện nhưng vẫn chưa đảm bảo theo nhu cầu của người dân như: Nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của công dân ngày càng lớn.

- Hệ thống phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung của tỉnh đôi lúc hoạt động không ổn định và còn hay bị trục trặc.

- Thủ tục hành chính thay đổi liên tục làm cho tiến độ triển khai chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC, cập nhật quy trình ISO vào hệ thống.

- Việc triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh kết quả vẫn chưa được như mong đợi, một số cán bộ, công chức chưa thực sự quan tâm, xử lý công việc được gian trên phần mềm Trang điều hành tác nghiệp đa cấp dẫn đến tình trạng quá hạn văn bản trên phần mềm; đối với phần mềm nhân sự một số cán bộ, công chức chưa thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Triển khai thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền công tác cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức. Phấn đấu thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước. Tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật trong cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, minh bạch hóa hoạt động hành chính.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, tiếp thu ý kiến của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND ban hành.

3. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức của UBND xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý nhằm giải quyết công việc, thông suốt, kịp thời.

4. Duy trì, triển khai và thực hiện tốt cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

5. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

6. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế "Một cửa, một cửa liên thông" trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC, thường xuyên thực hiện đồng bộ TTHC và số hóa hồ sơ trên phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung đảm bảo đúng quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Sở Thông tin và truyền thông đưa ra các giải pháp để nâng cấp, sửa các lỗi trong phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung và phần mềm Quản lý văn bản và điều hành để phần mềm hoạt động ổn định hơn.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành./.

Nơi nhận:
- UBND huyện ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TV. Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khoa

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	**21**	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
3.	**Kiểm tra CCHC**			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	*Vấn đề*		
3.3.2	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	*Vấn đề*		
4	**Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**			
4,1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4,3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4,4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	**Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao**			
5,1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	47	
5,2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	45	
5,3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	02	
5,4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	**Có = 1; Không = 0**		
6,1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

6,2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1		

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Về việc phân công công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số và an toàn thông tin**	**Số liệu**	
1.	**Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành**	**Văn bản**		
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	1	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	1	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra*	*Văn bản*		
2.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	*Văn bản*		
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát*	*Văn bản*		
3.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	*Văn bản*		

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.1.1.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*		
1.1.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	137	UBND cấp xã báo cáo
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*		
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,78%	UBND cấp xã báo cáo
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	915	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	913	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*Hồ sơ*		

3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*		

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)**	**Người**		
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).**			
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.			
4.3.	Số công chức cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

4.5.	Số cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người		

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.981.000.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	7.000.000.000	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)**			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	**Đơn vị**		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	*Đơn vị*		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	*Đơn vị*		
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 95 /BC-UBND ngày 05/6/2024 của UBND xã Quảng Thành)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	**Đơn vị tính**	**Số liệu**	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%		
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%		
5.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	%		
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%		
5.2.1				
5.2.2	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*	100%	UBND cấp xã báo cáo

5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*		
5.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	*%*		
6.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.1.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*		
6.1.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*		
6.1.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*		
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.2.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*		
6.2.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*		
6.2.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*		
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.3.1.	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	*Thủ tục*		
6.3.2.	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*		
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.4.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*		
6.4.2.	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*		
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.5.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*		
6.5.2.	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*		